

Số: 06/TB-HĐBT

Kỳ Anh, ngày 21 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Phương án bồi thường, hỗ trợ Hệ thống tiêu thoát lũ trung tâm hành chính huyện và vùng phụ cận đoạn qua xã Kỳ Anh, Đợt 4 (Hạng mục Cầu Giang Tân)

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Hệ thống tiêu thoát lũ trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng Phụ cận.

Căn cứ theo Điều 87 Luật đất đai số 31/2024/QH 15 ngày 18/01/2024 sửa đổi bổ sung tại điều 3 nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Hội đồng bồi thường xã Kỳ Anh thông báo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết công khai: 10 ngày kể từ ngày thông báo được ban hành.

2. Địa điểm niêm yết: Tại Trung tâm hành chính xã Kỳ Anh, Hội trường các thôn: Tứ Yên, Kỳ Giang, Hồ Nam Sơn và đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã Kỳ Anh.

(Có tổng hợp Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm)

Trong quá trình niêm yết, Hội đồng bồi thường sẽ tiến hành tổng hợp các ý kiến, kiến nghị (nếu có) của các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Đồng thời tổ chức kiểm tra, giải quyết các ý kiến, kiến nghị theo đúng quy trình của pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng, tạo sự công bằng trong nhân dân. Sau thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường sẽ tổ chức họp với các hộ dân trong khu vực có đất thu hồi để lấy ý kiến về phương án bồi thường và hoàn thiện hồ sơ trình UBND xã thẩm định phê duyệt theo đúng quy định.

Đề nghị trưởng thôn thông báo rộng rãi cho toàn thể nhân dân được biết để đến kiểm tra nội dung niêm yết.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND - UBND xã;
- Chủ tịch; các PCT UBND xã;
- Trưởng thôn Tứ Yên, Kỳ Giang, Hồ Nam Sơn (để Thông báo);
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ
Hoàng Văn Anh

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, GPMB Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ trung tâm hành chính huyện kỳ anh và vùng phụ cận đoạn qua xã Kỳ Anh Đợt 4 (Hạng mục cầu Giang Tân)
 (Kèm theo thông báo số 06/TB-HĐBT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của HĐBT, HT, TDC dự án)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đất thu	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng tiền	Ghi chú
			Đất nông nghiệp	Đất NN	Cây cối, hoa màu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định sản xuất	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ Trợ chuyển đổi nghề		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+5+6+7+8+9+	
001	Cao Thị Xinh	Kỳ Giang	23,90	1.261.900	167.300	0	95.600	3.240.000	3.154.800	7.919.600	
002	Đào Xuân Hóa	Kỳ Giang	5,10	269.300	35.700	0	20.400	4.860.000	673.200	5.858.600	
003	Hoàng Tuyền	Kỳ Giang	0,30	15.800	2.100	0	1.200	3.240.000	39.600	3.298.700	
004	Hoàng Văn Thuyên	Kỳ Giang	16,60	876.500	116.200	0	66.400	4.860.000	2.191.200	8.110.300	
005	Đào Thị Viễn	Hồ Nam Sơn	17,90	945.100	125.300	0	71.600	6.480.000	2.362.800	9.984.800	
006	Hoàng Văn Nồng (Lan)	Kỳ Giang	17,80	939.800	124.600	0	71.200	3.240.000	2.349.600	6.725.200	
007	Đào Ngọc Quyên (Thúy)	Kỳ Giang	120,40	6.357.100	842.800	0	481.600	8.100.000	15.892.800	31.674.300	
008	Cao Xuân Lục	Kỳ Giang	126,20	6.663.400	883.400	0	504.800	3.240.000	16.658.400	27.950.000	
009	Cao Quang Thuần (Hiền)	Kỳ Giang	333,50	14.855.280	2.334.500	0	1.036.000	6.480.000	34.188.000	58.893.780	
010	Đào Thuyên (Lôi)	Kỳ Giang	200,30	10.575.800	1.402.100	0	801.200	4.860.000	26.439.600	44.078.700	
011	Nguyễn Tiến Sang (Hường)	Tứ yên	84,30	1.335.312	590.100	0		5.400.000		7.325.412	
012	Nguyễn Thị Đào (Oánh)	Tứ yên	71,00	3.748.800	497.000	0		8.100.000	9.372.000	21.717.800	
013	Nguyễn Tiến Duẩn (Khuong)	Tứ yên	70,30	3.711.800	492.100	0	281.200	6.480.000	9.279.600	20.244.700	



014	Lê Văn Duyệt (Hường)	Tứ yên	94,40	4.984.300	660.800	0	377.600	3.240.000	12.460.800	21.723.500	
015	Nguyễn Trọng Huế (Dung)	Tứ yên	170,70	9.013.000	1.194.900	0	682.800	6.480.000	22.532.400	39.903.100	
016	Lê Thị Nhân Thừa kế ông Lê Công Đề	Tứ yên	1,70	89.800	11.900	0	6.800	1.620.000	224.400	1.952.900	
017	Lê Thị Hào (Hận)	Tứ yên	130,20	5.185.488	911.400	0	338.000	4.860.000	11.154.000	22.448.888	
018	Nguyễn Trọng Tiến (Sơn)	Tứ yên	263,80	13.928.600	1.846.600	0	1.055.200	3.240.000	34.821.600	54.892.000	
019	Cao Thị Hòe	Tứ yên	200,50	10.586.400	1.403.500	0	802.000	1.620.000	26.466.000	40.877.900	
020	Tổ Liên gia (Cao Thị Hận đại diện)	Tứ yên	553,10	8.761.104	3.871.700	0	0	0	0	12.632.804	
021	Nguyễn Thị Tâm (Sở)_	Tứ yên	181,60	9.588.500	1.271.200	0	726.400	4.860.000	23.971.200	40.417.800	
022	Hoàng Thị Châu	Tứ yên	239,40	12.640.300	1.675.800	0	957.600	3.240.000	31.600.800	50.114.500	
023	Cao Thị Huân (Liên)	Tứ yên	279,20	14.741.760	1.954.400	0	1.116.800	1.620.000	36.854.400	56.287.360	
TỔNG			3.184,1	141.075.144	22.415.400	0	9.494.400	99.360.000	322.687.200	595.032.144	

HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC ĐA